CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tháng 3 năm 2018

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Mai Văn Bình	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên
Bà Mai Thị Thanh Hà	Thành viên
Bà Mai Hương	Thành viên
Bà Trần Thị Thanh Hương	Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Mai Hương	Giám đốc điều hành
Bà Mai Thị Thanh Hà	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Mai Hương
Giám đốc điều hành
Bình Dương, ngày 24 tháng 3 năm 2018

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Tôi, Mai Văn Bình - Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị,

M.S.D.N: 3700431021 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP BÌNH DƯƠNG TX. DĨ AN T. BÌNH DƯƠNG

Mai Văn Bình
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bình Dương, ngày 24 tháng 3 năm 2018

anviet
Certified Public Accountants

Công ty TNHH Kiểm toán An Việt
Tầng 12, tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
W www.anvietcpa.com T (84-24) 6278 2904
E anviet@anvietcpa.com F (84-24) 6278 2905

Số: 67 /2018/KT-AV3-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24/3/2018, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

M.S.D.N: 0200511855-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN AN VIỆT
G. HAI BÀ TRƯNG - TP HÀ NỘI

Nguyễn Thị Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0804-2018-055-1

Nguyễn Thu Hà
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2986-2015-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**20.902.264.833**	**19.837.238.138**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**759.229.338**	**200.712.643**
1. Tiền	111	**5**	359.229.338	200.712.643
2. Các khoản tương đương tiền	112		400.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**13.777.350.000**	**12.582.390.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	**6.1**	13.777.350.000	12.582.390.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**6.365.685.495**	**7.054.135.495**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	**7**	341.460.000	21.460.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.084.389	12.084.389
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	**6.3**	6.000.000.000	7.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	**8.1**	22.141.106	20.591.106
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**6.279.404.967**	**7.125.855.815**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**3.000.000.000**	**2.000.000.000**
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	**6.4**	3.000.000.000	2.000.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	**8.2**		-
II. Tài sản cố định	**220**		**-**	**5.751.515**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	**9**	-	5.751.515
- Nguyên giá	*222*		*745.228.596*	*1.168.884.010*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(745.228.596)*	*(1.163.132.495)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**	**10**	**2.779.404.967**	**2.981.604.300**
- Nguyên giá	*231*		*6.652.279.425*	*6.228.624.011*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*232*		*(3.872.874.458)*	*(3.247.019.711)*
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**500.000.000**	**2.138.500.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	**6.2**	500.000.000	2.138.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**27.181.669.800**	**26.963.093.953**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**2.927.057.813**	**2.904.461.740**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**2.927.057.813**	**2.904.461.740**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	**11**	11.150.000	63.700.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.024.367.100	2.024.367.100
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	**12**	404.421.320	272.928.247
4. Phải trả người lao động	314		72.648.000	61.400.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	**13**	(13.102.200)	(13.007.200)
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		427.573.593	495.073.593
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**24.254.611.987**	**24.058.632.213**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**24.254.611.987**	**24.058.632.213**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	**14a**	15.350.000.000	15.350.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*15.350.000.000*	*15.350.000.000*
2. Cổ phiếu quỹ	415	**14**	(1.499.786.780)	(1.499.786.780)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	**14**	4.367.895.337	4.119.566.159
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	**14b**	6.036.503.430	6.088.852.834
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*2.933.923.656*	*2.933.923.656*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*3.102.579.774*	*3.154.929.178*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**27.181.669.800**	**26.963.093.953**

Bình Dương, ngày 24 tháng 3 năm 2018

Phụ trách kế toán - Người lập biểu	Giám đốc điều hành
Đỗ Thị Phương	Mai Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

Mẫu số B02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**15**	**4.550.334.278**	**4.653.673.707**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**	**15**	**4.550.334.278**	**4.653.673.707**
4. Giá vốn hàng bán	11	16	2.053.196.971	2.161.137.613
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**2.497.137.307**	**2.492.536.094**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	1.872.487.204	1.494.157.323
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: chi phí lãi vay	*23*		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	18	479.616.087	368.031.944
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	**30**		**3.890.008.424**	**3.618.661.473**
11. Thu nhập khác	31		-	325.000.000
12. Chi phí khác	32	19	9.426.965	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**	**19**	**(9.426.965)**	**325.000.000**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**3.880.581.459**	**3.943.661.473**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	778.001.685	788.732.295
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**3.102.579.774**	**3.154.929.178**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**22**	**2.172**	**2.174**

Bình Dương, ngày 24 tháng 3 năm 2018

Phụ trách kế toán - Người lập biểu	Giám đốc điều hành
Đỗ Thị Phương	Mai Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Mẫu số B03 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		***3.880.581.459***	***3.943.661.473***
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	**9,10**	207.950.848	206.800.546
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	**17**	(1.872.487.204)	(1.819.157.323)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		***2.216.045.103***	***2.331.304.696***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(311.550.000)	(23.130.000)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10			-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		826.683	(68.386.324)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	**12**	(688.732.295)	(878.481.092)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(117.500.000)	(10.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		***1.099.089.491***	***1.351.307.280***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	325.000.000
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(12.138.850.000)	(17.842.757.889)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12.582.390.000	15.095.867.889
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.872.487.204	1.494.157.323
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**2.316.027.204**	***(927.732.677)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.856.600.000)	(2.856.505.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(2.856.600.000)***	***(2.856.505.000)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**		**558.516.695**	**(2.432.930.397)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**5**	**200.712.643**	**2.633.643.040**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	**70**		**759.229.338**	**200.712.643**

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2017.

Bình Dương, ngày 24 tháng 3 năm 2018

Phụ trách kế toán - Người lập biểu	Giám đốc điều hành
Đỗ Thị Phương	Mai Hương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương (gọi tắt là "Công ty"), trụ sở đặt tại Lô 89, Đường số 6, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000049 ngày 24/7/2002. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi: lần nhất ngày 14/7/2003, lần thứ hai ngày 05/10/2004, lần thứ ba ngày 18/01/2006, lần thứ tư ngày 06/10/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 15.350.000.000 VND, mệnh giá cổ phần: 10.000 VND.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh: sản xuất công nghiệp và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, kinh doanh và in các loại bao bì nhựa, bao bì giấy;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành bao bì;
- Cho thuê nhà xưởng.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

1.6 Cấu trúc doanh nghiệp: Công ty không có các đơn vị trực thuộc, công ty con hoặc công ty liên doanh, liên kết.

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính: có so sánh được thông tin trên báo cáo tài chính.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

4.4.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) kể từ thời điểm báo cáo (ngoài các khoản chứng khoán kinh doanh), bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác, không bao gồm các khoản đã được trình bày trong các chỉ tiêu "Phải thu về cho vay ngắn hạn" và "Phải thu về cho vay dài hạn".

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư như chi phí lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Lãi tiền gửi phát sinh sau ngày mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.4.2 Các khoản cho vay:

Phản ánh các khoản cho vay bằng khế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa hai bên có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) tại thời điểm báo cáo. Các khoản cho vay được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Lãi cho vay được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính khi phát sinh.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản cho vay để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu cho vay được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

4.5 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: tạm ứng; phải thu về thuế TNCN.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Tại 31/12/2017, Công ty có khoản phải thu khách hàng đã quá hạn thanh toán, số tiền 21.460.000 VND, tuy nhiên, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc trích lập dự phòng là không cần thiết đối với khoản phải thu khó đòi và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, mặc dù việc thực hiện như vậy không phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Trong năm, Công ty không khấu hao máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn do đã khấu hao hết. Đối với thiết bị dụng cụ quản lí, Công ty thực hiện trích khấu hao trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian 6 năm, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Bất động sản đầu tư của Công ty là quyền sử dụng 4.823 m2 đất tại Lô 89, Đường số 6, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương trong 43 năm 02 tháng kể từ ngày 09/8/2002 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 261QSDĐ/2002 cấp ngày 06/9/2002, mặt bằng nhà xưởng và cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu Công ty được Công ty sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 26/3/2013.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Năm 2017 (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 20
Quyền sử dụng đất	43

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: phải trả về các khoản kinh phí công đoàn; bảo hiểm xã hội, phải trả khác.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các khoản nợ phải trả âm chưa được Công ty phân loại sang các khoản phải thu.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Cổ phiếu quỹ được phản ánh theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và chi phí liên quan đến việc mua lại và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế được trích lập và phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 02/2017/NQ-ĐHCĐ/HBD ngày 12/4/2017.

4.10 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi tiền đặt cọc hàng được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.11 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu, bao gồm: trị giá vốn của dịch vụ trong kỳ.

4.12 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

4.13 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.15 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Công ty Cổ phần Bao bì PP và Công ty có chung các thành viên quản lý chủ chốt. Theo đó, Công ty Cổ phần Bao bì PP được coi là các bên liên quan của Công ty.

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các cá nhân trong Hội đồng quản trị (Chủ tịch, Ủy viên) và Ban Giám đốc (Giám đốc, Phó Giám đốc), các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này được coi là bên liên quan của Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 6, 25.

5. TIỀN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	2.640.631	5.811.313
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	356.588.707	194.901.330
Cộng	**359.229.338**	**200.712.643**

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
6.1 Ngắn hạn	**13.777.350.000**	**13.777.350.000**	**12.582.390.000**	**12.582.390.000**
Tiền gửi có kỳ hạn - Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Bình Dương	1.000.000.000	1.000.000.000	1.730.000.000	1.730.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn - Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu - Chi nhánh Bình Dương	12.777.350.000	12.777.350.000	10.852.390.000	10.852.390.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

6.2 Dài hạn	**500.000.000**	**500.000.000**	**2.138.500.000**	**2.138.500.000**
Tiền gửi có kỳ hạn - Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu - Chi nhánh Bình Dương	500.000.000	500.000.000	2.138.500.000	2.138.500.000

Phải thu về cho vay	**31/12/2017 VND**	**01/01/2017 VND**
6.3 Ngắn hạn	**6.000.000.000**	**7.000.000.000**
Công ty TNHH MTV AAB (1)	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì PP (2)	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hòa An	-	3.000.000.000
6.4 Dài hạn	**3.000.000.000**	**2.000.000.000**
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hòa An (3)	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì PP	-	2.000.000.000
Phải thu về cho vay là các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Bao bì PP	*2.000.000.000*	*2.000.000.000*

(1) Theo Hợp đồng góp vốn số 02/HĐGV ngày 14/11/2016 về việc góp vốn vào Công ty TNHH MTV AAB, số tiền 4.000.000.000 VND, thời hạn góp vốn từ ngày 14/11/2016 đến ngày 31/12/2017, Công ty TNHH MTV AAB phải trả cho Công ty lợi nhuận là 8,0%/năm trên số vốn góp.

(2) Theo hợp đồng góp vốn số 01/HĐGV ngày 08/10/2016, thời hạn góp vốn là 24 tháng kể từ ngày 08/10/2016, Công ty Cổ phần Bao bì PP phải trả cho Công ty lợi nhuận là 8,0%/năm trên số vốn góp.

(3) Theo Hợp đồng góp vốn số 01/2017/HDGV ngày 16/07/2017, Công ty đầu tư vốn góp vào Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hoà An là 3.000.000.000 VND với thời gian là 24 tháng. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hoà An phải trả lãi 8,0%/năm trên tổng số vốn góp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	**341.460.000**	**21.460.000**
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	341.460.000	21.460.000
Công ty TNHH AAB	*320.000.000*	-
Công ty CP Hóa chất Bình Minh	*21.460.000*	*21.460.000*
Các khoản phải thu khách hàng khác	-	-

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
8.1 Ngắn hạn	**22.141.106**	**-**	**20.591.106**	**-**
Phải thu về thuế TNCN	22.141.106	-	13.130.000	-
Tạm ứng	-	-	7.461.106	-

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lí	Cộng
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2017	**991.374.919**	**143.000.000**	**34.509.091**	**1.168.884.010**
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	**423.655.414**	**-**	**-**	**423.655.414**
Chuyển sang BĐS đầu tư	423.655.414	-	-	423.655.414
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	**567.719.505**	**143.000.000**	**34.509.091**	**745.228.596**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2017	**991.374.919**	**143.000.000**	**28.757.576**	**1.163.132.495**
Tăng trong năm	-	-	**5.751.515**	**5.751.515**
Khấu hao trong năm	-	-	5.751.515	5.751.515
Giảm trong năm	**423.655.414**	**-**	**-**	**423.655.414**
Chuyển sang BĐS đầu tư	423.655.414	-	-	423.655.414
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	**567.719.505**	**143.000.000**	**34.509.091**	**745.228.596**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2017	**-**	**-**	**5.751.515**	**5.751.515**
Tại ngày 31/12/2017	**-**	**-**	**-**	**-**

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 745.228.596 VND (tại ngày 31/12/2016 là 1.134.374.919 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa vật kiến trúc	Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2017	**3.355.441.291**	**2.873.182.720**	**6.228.624.011**
Tăng trong năm	**-**	**423.655.414**	**423.655.414**
TSCĐ HH chuyển sang	-	423.655.414	423.655.414
Giảm trong năm	**-**	**-**	**-**
Tại ngày 31/12/2017	**3.355.441.291**	**3.296.838.134**	**6.652.279.425**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2017	**1.120.639.612**	**2.126.380.099**	**3.247.019.711**
Tăng trong năm	**77.732.229**	**548.122.518**	**625.854.747**
Khấu hao trong năm	77.732.229	124.467.104	202.199.333
TSCĐ HH chuyển sang	-	423.655.414	423.655.414
Giảm trong năm	**-**	**-**	**-**
Tại ngày 31/12/2017	**1.198.371.841**	**2.674.502.617**	**3.872.874.458**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2017	**2.234.801.679**	**746.802.621**	**2.981.604.300**
Tại ngày 31/12/2017	**2.157.069.450**	**622.335.517**	**2.779.404.967**

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	**11.150.000**	**63.700.000**
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	11.150.000	63.700.000
Đặng Văn Hân	*11.150.000*	*63.700.000*
Phải trả cho các đối tượng khác	-	-

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	13.865.952	259.120.787	211.247.104	61.739.635
Thuế thu nhập doanh nghiệp	238.732.295	778.001.685	688.732.295	328.001.685
Thuế thu nhập cá nhân	20.330.000	155.776.200	161.426.200	14.680.000
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	**272.928.247**	**1.195.898.672**	**1.064.405.599**	**404.421.320**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn (*)	**(13.102.200)**	**(13.007.200)**
Kinh phí công đoàn	7.938.283	7.938.283
Bảo hiểm xã hội	(21.040.483)	(21.040.483)
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	95.000

(*) Dư nợ các khoản phải trả khác chưa được trình bày sang các khoản phải thu khác trên báo cáo tài chính.

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	**15.350.000.000**	**(1.499.786.780)**	**4.119.566.159**	**5.890.523.656**
Tăng trong năm trước	-	-	-	3.154.929.178
Giảm trong năm trước	-	-	-	2.956.600.000
Số dư cuối năm trước	**15.350.000.000**	**(1.499.786.780)**	**4.119.566.159**	**6.088.852.834**
Số dư đầu năm nay	**15.350.000.000**	**(1.499.786.780)**	**4.119.566.159**	**6.088.852.834**
Tăng trong năm nay	-	-	248.329.178	3.102.579.774
Giảm trong năm nay	-	-	-	3.154.929.178
Số dư cuối năm nay	**15.350.000.000**	**(1.499.786.780)**	**4.367.895.337**	**6.036.503.430**

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

a. Vốn góp của chủ sở hữu	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tại 01/01	**15.350.000.000**	**15.350.000.000**
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại 31/12	**15.350.000.000**	**15.350.000.000**

Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2016 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 02/2017/NQ-ĐHCĐ/HBD ngày 12/4/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

b. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tại 01/01	**6.088.852.834**	**5.890.523.656**
Tăng trong năm	**3.102.579.774**	**3.154.929.178**
Lợi nhuận trong năm	3.102.579.774	3.154.929.178
Giảm trong năm	**3.154.929.178**	**2.956.600.000**
Trích quỹ khen thưởng HĐQT	50.000.000	100.000.000
Chia cổ tức	2.856.600.000	2.856.600.000
Trích quỹ dự phòng tài chính	248.329.178	-
Tại 31/12	**6.036.503.430**	**6.088.852.834**

c. Cổ phiếu	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.535.000	1.535.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.535.000	1.535.000
Cổ phiếu phổ thông	*1.535.000*	*1.535.000*
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	106.700	106.700
Cổ phiếu phổ thông	*106.700*	*106.700*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.428.300	1.428.300
Cổ phiếu phổ thông	*1.428.300*	*1.428.300*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

15. DOANH THU

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**4.550.334.278**	**4.653.673.707**
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.550.334.278	4.653.673.707
Cộng	**4.550.334.278**	**4.653.673.707**

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.053.196.971	2.161.137.613
Cộng	**2.053.196.971**	**2.161.137.613**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi	1.122.487.204	780.601.323
Lãi tiền cho vay	750.000.000	590.000.000
Lãi đặt cọc tiền hàng	-	123.556.000
Cộng	**1.872.487.204**	**1.494.157.323**

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**479.616.087**	**368.031.944**
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	479.616.087	299.926.800
Chi phí nhân viên quản lý	*479.616.087*	*299.926.800*
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	-	68.105.144

19. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Truy thu thuế	9.426.965	-
Cộng	**9.426.965**	**-**

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân công	332.815.333	299.926.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	207.950.848	206.800.546
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	1.992.046.877	2.022.442.211
Cộng	**2.532.813.058**	**2.529.169.557**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	**3.880.581.459**	**3.943.661.473**
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán		
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	***9.426.965***	-
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	*9.426.965*	-
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế (4)=(1)+(2)-(3)	**3.890.008.424**	**3.943.661.473**
Thuế suất thuế TNDN (5)	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (6)=(4)*(5)	**778.001.685**	**788.732.295**

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	3.102.579.774	3.154.929.178
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Các khoản điều chỉnh tăng (2a)	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (2b) (*)	-	*50.000.000*
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3=1+2a-2b)	**3.102.579.774**	**3.104.929.178**
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (4)	1.428.300	1.428.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5=3/4)	**2.172**	**2.174**

(*): Khoản điều chỉnh giảm (2b) tại cột số liệu so sánh năm 2016 là điều chỉnh do trích quỹ khen thưởng HĐQT từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 02/2017/NQ-ĐHCĐ/HBD ngày 12/4/2017.

Không có sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu nên không có dấu hiệu cho thấy lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ nhỏ hơn lãi cơ bản trên cổ phiếu.

23. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2017 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.14.

	Giá trị ghi sổ 31/12/2017 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2017 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	759.229.338	200.712.643
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.277.350.000	14.720.890.000
Phải thu của khách hàng	341.460.000	21.460.000
Phải thu về cho vay	9.000.000.000	9.000.000.000
Phải thu khác	-	-
Cộng	**24.378.039.338**	**23.943.062.643**
Nợ tài chính		
Phải trả người bán	11.150.000	63.700.000
Cộng	**11.150.000**	**63.700.000**

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

- **Rủi ro thị trường**

- *Rủi ro tiền tệ:* Công ty không chịu rủi ro tiền tệ vì các giao dịch phát sinh chủ yếu bằng VND.
- *Rủi ro lãi suất:* Công ty không chịu rủi ro lãi suất do không có các khoản vay và nợ phải chịu lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

- **Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn, có kỳ hạn), phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

- *Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá*

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế.

Ngoài các khoản nêu trên, Công ty không có các nhóm tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá khác.

- **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Đến 1 năm VND	Trên 1 năm VND
Tại 31/12/2017		
Phải trả người bán	11.150.000	-
Cộng	**11.150.000**	-
Tại 01/01/2017		
Phải trả người bán	63.700.000	-
Cộng	**63.700.000**	-

- **Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với chứng khoán kinh doanh, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

25. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty Cổ phần Bao bì PP	**Chung thành viên chủ chốt**		
Thu lãi vay		160.000.000	-
Lãi đặt cọc tiền hàng		-	123.556.000
Thu lãi đặt cọc tiền hàng		-	123.556.000

Số dư với các bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương	**Chung thành viên chủ chốt**		
Phải thu về cho vay		2.000.000.000	2.000.000.000

Giao dịch của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng thu nhập	236.604.000	374.578.000
Trong đó thu nhập năm 2017 như sau:		
Thu nhập của Giám đốc	*71.800.000*	
Thu nhập và thù lao của người quản lý khác	*59.804.000*	
Thu nhập và thù lao của HĐQT	*105.000.000*	

26. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Trong năm, hoạt động kinh doanh của Công ty toàn bộ là cung cấp dịch vụ. Theo đó, tài sản, nợ phải trả, thu nhập, chi phí và kết quả kinh doanh được tập hợp hết cho bộ phận kinh doanh này.

BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận địa lý là tỉnh Bình Dương, Việt Nam nên không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

Bình Dương, ngày 24 tháng 3 năm 2018

Phụ trách kế toán - Người lập biểu	Giám đốc điều hành
Đỗ Thị Phương	Mai Hương